



MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO Ở TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HUYỆN ĐỊNH QUÁN TỈNH ĐỒNG NAI

ThS. NGÔ PHAN ANH TUẤN

Trung tâm Dạy nghề huyện Định Quán- Đồng Nai

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo nghề được khẳng định là yếu tố đảm bảo phát triển và cạnh tranh trong thời kì hội nhập quốc tế. Một trong những nội dung chiến lược nhằm phát triển đào tạo nghề là nâng cao cả hai mặt hiệu quả và chất lượng đào tạo. Cùng với sự phát triển lớn mạnh của hệ thống các cơ sở dạy nghề (CSDN), vấn đề chất lượng đào tạo đã trở nên cấp thiết.

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Để đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề cấp thiết đang đặt ra là phải nâng cao chất lượng của các CSDN.

Trung tâm dạy nghề (TTDN) Định Quán là một trong 10 trung tâm được chọn tiến hành kiểm định chất lượng dạy nghề thí điểm của cả nước. Bên cạnh việc tìm kiếm, lựa chọn những mô hình đào tạo nghề lao động nông thôn phù hợp, cần phải hết sức quan tâm đến việc nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo để từng bước tạo dựng thương hiệu của trung tâm. Để

làm tốt công tác tự kiểm định chất lượng dạy nghề, trước hết phải tự đánh giá được thực trạng điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo nhằm đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của trung tâm.

2. Khảo sát sơ bộ và xử lý số liệu

Thực trạng điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của TTDN Định Quán được đánh giá dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSDN tại Việt Nam và có một số điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của trung tâm. Trung tâm đã khảo sát bằng bảng hỏi kết hợp với quan sát, phỏng vấn 12 cán bộ quản lí, 35 giáo viên. Sau đó, tiến hành kiểm nghiệm bằng bảng hỏi có các tiêu chí đánh giá liên quan (3, 4, 6, 7, 8, 9, 10 và 12) đối với 30 các bộ quản lí các doanh nghiệp có sử dụng lao động là học viên đã tốt nghiệp và 220 học viên đã và đang học nghề tại trung tâm.

Kết quả khảo sát sau khi xử lý số liệu có thể tóm tắt

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mức độ đạt được (%)			
			Rất phù hợp (Rất tốt)	Phù hợp (Tốt)	Chưa phù hợp (Chưa tốt)	Không phù hợp (Không tốt)
1.	Mục tiêu và nhiệm vụ của Trung tâm	- Mục tiêu nhiệm vụ của TT phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	30,4	60,8	5,6	
		- Ngành nghề đào tạo phù hợp với thị trường lao động hiện nay.	21,8	69,5	8,7	
		- Việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp (DN).	17,4	69,5	13,6	
		- Mục tiêu nhiệm vụ của bộ phận và cá nhân phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ của TT.	8,7	78,3	13,0	
2.	Hệ thống tổ chức quản lí của Trung tâm	- Quy chế hoạt động của TT được phê duyệt phù hợp với thực tế hoạt động của TT.	26,0	52,3	21,7	
		- Cơ cấu tổ chức của TT phù hợp với thực tế hoạt động của TT.	8,7	56,5	34,8	
		- HT văn bản quy định về tổ chức quản lí của TT phù hợp với công việc của cán bộ quản lí và giáo viên.	8,7	60,9	30,4	
		- Công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả quản lí.		52,2	39,1	8,7



3.	Hoạt động dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Việc đa dạng hóa phương thức đào tạo của TT. - Việc thực hiện lịch giảng dạy của giáo viên. - Công tác tổ chức giám sát giảng dạy. - Đánh giá kết quả học tập của học viên. 	17,4 4,3	69,6 61,0 39,1 43,5	13,0 26,0 52,2 47,8	8,7 8,7 8,7
4.	Khả năng liên kết đào tạo của Trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Liên kết đào tạo giữa TT với DN. - Học viên của TT thực tập tại DN. - Kí kết hợp đồng cung ứng lao động cho DN. - DN nhận học viên (HV) tốt nghiệp vào làm việc tại DN. 	4,3	57,4 47,8 56,5 30,4	34,8 47,9 43,5 69,6	4,3 4,3
5.	Năng lực đội ngũ cán bộ quản lí	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn bằng cấp về quản lí. - Kinh nghiệm quản lí. - Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lí của TT. - Tự học và bồi dưỡng chuyên môn. 	8,7 8,7 13,0 17,4	47,8 61,0 74,0 60,9	39,2 26,0 8,7 21,7	4,3 4,3 4,3
6.	Năng lực đội ngũ giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn về sự phạm và kĩ năng nghề. - Áp dụng phương pháp dạy học tích cực. - Tham gia dịch vụ sản xuất. - Sử dụng máy vi tính để soạn giáo án. 	8,7 4,3	82,6 87,0 30,4 8,7	8,7 8,7 65,3 74,0	17,3
7.	Chương trình, nội dung đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ chương trình cho các nghề đào tạo. - Giáo viên tham gia biên soạn chương trình. - Phối hợp với DN để xây dựng chương trình. - Cập nhật, điều chỉnh chương trình. 	26,0 8,7	69,7 74,0 34,8 21,7	4,3 21,7 47,8 74,0	4,3 8,7 4,3
8.	Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên có đủ thời gian thực hành. - Thiết bị dạy nghề đủ số lượng và chất lượng. - Thực hiện nội quy về vệ sinh an toàn lao động và phòng chống cháy nổ - Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc - thiết bị 	8,7 8,7	92,3 92,3 43,5 39,1	56,5 56,6	4,3
9.	Hiệu quả và chất lượng đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên đáp ứng cơ bản về kĩ năng theo yêu cầu của DN và thực tế sản xuất. - Tác phong và kỉ luật của học viên. - Quan tâm đến chất lượng đào tạo HV. - Theo dấu HV sau đào tạo. 	8,7 4,3 4,3 4,3	56,5 52,2 47,8 52,2	34,8 34,8 39,2 43,5	8,7 8,7
10.	Dịch vụ hỗ trợ đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cho học viên đầy đủ ngành nghề đào tạo và việc làm sau đào tạo. - Giới thiệu việc làm cho HV sau đào tạo. - Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho HV sau đào tạo. - Chất lượng phục vụ của khu nội trú. 	8,7 8,7 4,3 8,7	73,9 39,2 47,7 47,8	17,4 47,8 39,1 39,2	4,3 4,3 4,3
11.	Năng lực quản lí tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ tài chính đảm bảo cho hoạt động của TT. - Cung ứng vật tư giảng dạy. - Công khai hoạt động tài chính của TT. - Công tác tự kiểm tra, thanh quyết toán. 	13,0 4,3 4,3	82,7 82,7 65,4 92,3	4,3 13,0 26,0 8,7	4,3



12.	Yếu tố quan trọng nhất đối với Trung tâm	- Số học viên tốt nghiệp.	8,7	60,9	30,4
		- Việc làm của người học sau đào tạo.		60,9	39,1
		- Chất lượng đào tạo.	4,3	82,7	13,0
		- Năng lực quản lí của trung tâm.	4,3	74,0	21,7

như sau:

3. Thực trạng điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của trung tâm

Từ kết quả khảo sát, có thể nhận xét và đánh giá ưu điểm, những tồn tại và nguyên nhân về điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của trung tâm như sau:

3.1. Ưu điểm:

Mục tiêu, nhiệm vụ của trung tâm được xác định dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương, hầu hết các ngành nghề đào tạo của trung tâm phù hợp với thị trường lao động hiện nay. Mục tiêu, nhiệm vụ này được cụ thể hóa thành mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận và từng bước điều chỉnh phù hợp với thực tiễn sản xuất và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Quy chế hoạt động được UBND huyện phê duyệt và cơ cấu tổ chức hiện nay của trung tâm tương đối phù hợp với thực tế hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận và cá nhân. Trung tâm đã thực hiện khá tốt việc đa dạng hóa phương thức đào tạo. Bước đầu đã chủ động liên kết với các doanh nghiệp kí kết nhiều hợp đồng đào tạo cung ứng lao động và bao tiêu nông sản phẩm cho học viên sau đào tạo. Bộ phận đào tạo và giáo viên thực hiện tương đối lịch giảng dạy đã đề ra. Tất cả giáo viên đều đạt chuẩn về sự phạm. Phần lớn giáo viên đã biết áp dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học. Bên cạnh đó trung tâm cũng đã quan tâm xây dựng kế hoạch và thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí. Đặc biệt là hầu hết cán bộ quản lí và giáo viên đã có tinh thần tự giác học tập để tự nâng cao trình độ của mình. Trung tâm có đầy đủ chương trình và giáo trình cho các nghề. Đa số các giáo viên đều tham gia xây dựng chương trình và tự biên soạn bài giảng. Máy móc, thiết bị dạy nghề của trung tâm có đủ số và chất lượng, bảo đảm thời gian thực hành cho học viên, vật tư thực hành được cung ứng tương đối đầy đủ. Ví thế có 65% học viên học nghề tại trung tâm đáp ứng cơ bản về kĩ năng nghề theo yêu cầu của các doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất. Phần lớn học viên được thông tin đầy đủ về các khóa học mà họ tham gia. Trung tâm bảo đảm cân đối được tài chính, đồng thời làm tốt công khai tài chính theo quy định và thực hiện tốt công tác thanh quyết toán theo các qui định hiện hành. Đa số cán bộ quản lí và giáo viên bên cạnh việc quan tâm đến số học viên tốt nghiệp, còn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên và

việc làm cho học viên sau đào tạo.

3.2. Những tồn tại và nguyên nhân:

Bên cạnh những ưu điểm, điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của TTDN Định Quán còn bộc lộ *những tồn tại* như sau:

Hiệu quả và chất lượng đào tạo của trung tâm còn hạn chế và chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất ở địa phương. Hệ thống tổ chức quản lí và hoạt động tổ chức đào tạo của trung tâm chưa có sự nhất quán, việc phân công chức năng nhiệm vụ của các bộ phận cho từng cán bộ quản lí và giáo viên chưa thực sự rõ ràng, hợp lí vì thế hiệu quả quản lí quá trình đào tạo của trung tâm chưa cao. Một số cán bộ quản lí chưa đạt chuẩn về chuyên môn. Bộ phận đào tạo và các bộ môn chưa làm tốt công tác giám sát giảng dạy. Nhiều giáo viên chưa tích cực tham gia làm dịch vụ sản xuất, chưa chủ động phối hợp với doanh nghiệp để và điều chỉnh chương trình, chưa tích hợp được giảng dạy lí thuyết và thực hành. Thời gian thực hành nghề của học viên chỉ ở mức trung bình, việc gửi học viên đi thực tập ở các doanh nghiệp còn hạn chế. Có những ngành trung tâm còn chạy theo số lượng học viên tốt nghiệp, chưa thật sự quan tâm đến việc rèn luyện tác phong, kỉ luật và kĩ năng nghề cho học viên. Việc đánh giá kết quả học tập của học viên chưa thật sự nghiêm túc và chưa có sự tham gia của doanh nghiệp, chưa làm tốt việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp và học viên sau tốt nghiệp, chưa làm tốt việc giải quyết việc làm và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho học viên sau đào tạo. Công tác vệ sinh an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị và chất lượng phục vụ ở khu nội trú còn hạn chế, chưa tạo được môi trường học tập thuận lợi, hiệu quả, các dịch vụ hỗ trợ cho học viên còn nhiều bất cập.

Những tồn tại nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Trung tâm chưa có sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo. Phần lớn giáo viên vẫn sử dụng chương trình có sẵn để giảng dạy, nên chưa phù hợp với thực tế sản xuất và không đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Do mức học phí khá thấp, không đủ kinh phí để cung ứng vật tư cho thực hành, nên giáo viên không thực hiện đủ thời gian hướng dẫn thực hành kĩ năng nghề theo qui định. Đa số cán bộ quản lí chưa được đào tạo đúng chuyên môn, giáo viên có rất ít cơ hội tham gia sinh hoạt chuyên môn và tiếp cận với thực tế sản xuất, với các qui trình công



nghệ, các trang thiết bị và kĩ năng nghề mới có liên quan đến ngành nghề họ đang trực tiếp giảng dạy, nên không có điều kiện để rèn luyện tay nghề. Nội dung bồi dưỡng năng lực của cán bộ quản lí và giáo viên chưa sát hợp với yêu cầu đổi mới công tác quản lí và giảng dạy hiện nay. Hoạt động tổ chức đào tạo thường xuyên có nhiều xáo trộn. Mối quan hệ giữa giáo viên và bộ phận quản lí chưa thật sự gắn bó. Công tác kiểm tra còn mang nặng tính quan liêu chưa thật sự sâu sát. Mức độ tin học hóa công tác quản lí và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy của các trường còn hạn chế. Mức độ nhận thức về tầm quan trọng về dịch vụ hỗ trợ cho học viên và hiệu quả giải quyết việc làm cho học viên sau đào tạo của trung tâm không cao.

4. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của trung tâm.

Trên cơ sở những đánh giá những tồn tại và nguyên nhân của thực trạng điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, có thể đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của Trung tâm dạy nghề Định Quán như sau:

Phải đổi mới tư duy về đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế của DN. Thường xuyên nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động. Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, thông qua các hợp đồng liên kết đào tạo và chuyển giao công nghệ và bao tiêu sản phẩm. Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức phân tích nghề xây dựng chương trình nghề dựa trên nhu cầu của các doanh nghiệp và thực tế sản xuất. Cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và các ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động, người tốt nghiệp đã đi làm, để cải tiến hoàn thiện chương trình, giáo trình và các mô đun thực hành nghề phù hợp yêu cầu mới của thị trường lao động.

Áp dụng các mô hình quản lí chất lượng đào tạo tiên tiến, tiến hành kiểm định chất lượng đào tạo theo định kỳ. Tin học hóa công tác quản lí quá trình đào tạo. Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tính chủ động và tăng cường mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận quản lí và giáo viên. Định kì cần kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo và hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ cho học viên.

Cần tham khảo thực tế để mua sắm trang thiết bị đúng chủng loại và công nghệ của doanh nghiệp đang sử dụng. Bố trí học viên thực tập sản xuất phù hợp với ngành nghề đang đào tạo ở các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có trang thiết bị hiện đại, để học viên có thể thực hành, thực tập gắn sát với thực tế sản xuất ngay trong quá trình đào tạo.

Chuyên môn hóa và bố trí cán bộ quản lí một cách ổn định. Về phía giáo viên cần tập trung vào các kĩ năng giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, chú trọng bồi dưỡng kĩ năng giảng dạy tích hợp với lí thuyết với thực hành.

Mở rộng việc kết hợp đào tạo kết hợp với dịch vụ sản xuất, để bảo đảm đủ định mức vật tư dạy nghề tăng thời gian thực hành và thực tập cho học viên. Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm.

Tạo điều kiện cho giáo viên có cơ hội thường xuyên tiếp cận với thực tế sản xuất, tham gia sinh hoạt chuyên môn và các dịch vụ sản xuất có liên quan đến ngành nghề họ đang trực tiếp giảng dạy, để họ có cơ hội rèn luyện thêm tay nghề.

Xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nhằm giúp cho mọi thành viên đều có trách nhiệm duy trì, củng cố và tìm các cơ hội, giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, để học viên của nhà trường sau khi tốt nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu của các doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạ Thị Kiều An – Ngô Thị Ánh - Nguyễn Hoàng Kiệt – Đinh Phượng Vương. *Quản trị chất lượng*. NXB Giáo dục – Hà Nội 1998.
2. Mạc Tiến Anh. *Nghiên cứu một số mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn*. Tổng cục dạy nghề. Hà Nội – 2010.
3. TS. Nguyễn Tiến Dũng. *Bài giảng Quản lí chất lượng, Đảm bảo Chất lượng và kiểm định chất lượng*. Đại Học Sư phạm kĩ thuật TP. Hồ Chí Minh – 2007.
4. PGS.TS Trần Khánh Đức. *Chất lượng đào tạo và quản lí chất lượng đào tạo nhân lực trong nền giáo dục hiện đại*. NXB Đại học Quốc gia - Hà Nội 2008.
5. Phùng Xuân Nhạ. *Mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*. Đại học Quốc gia Hà Nội – 2008.
6. Chính Phủ. *Nghị quyết “Về đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020”*. Hà Nội – 2009.
7. Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*. Hà Nội - 2009.
8. Đặng Văn Thành. *Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo nghề gắn với thị trường lao động*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – 2005
9. Nguyễn Đức Trí. *Quản lí quá trình đào tạo trong nhà trường*. Bài giảng cao học. Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục – 2005.

SUMMARY

From the local experience the author emphasizes the status (advantages, standing issues and causes) for training quality assurance, some solutions for improving effectiveness and training quality of vocational training center Dinh Quan (Dong Nai); which are: innovation of ideas, application of new management model, expansion of links, specialized further training, setting up of control system...